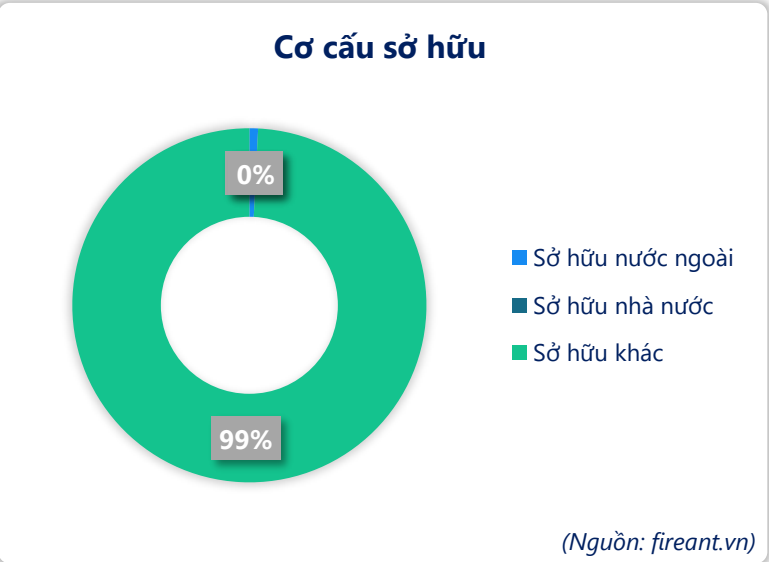
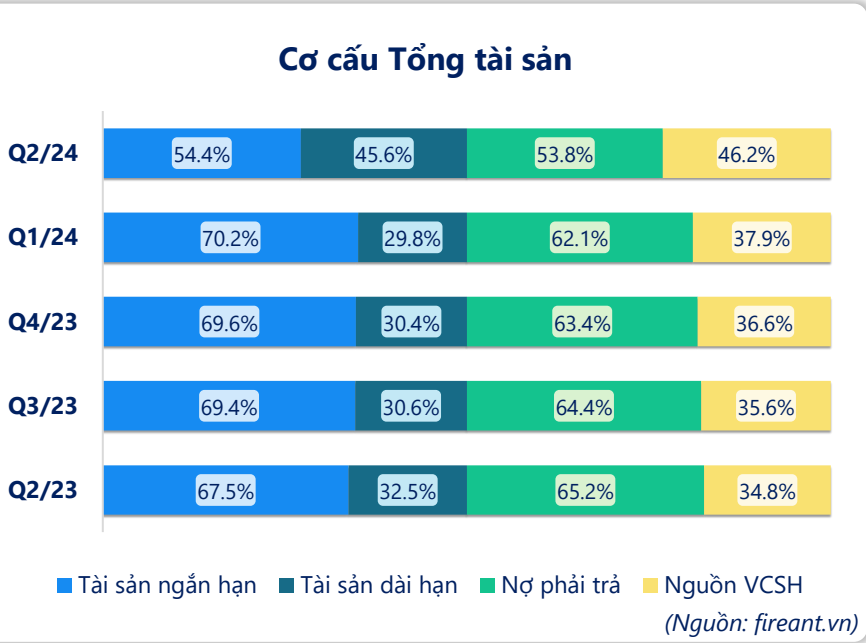
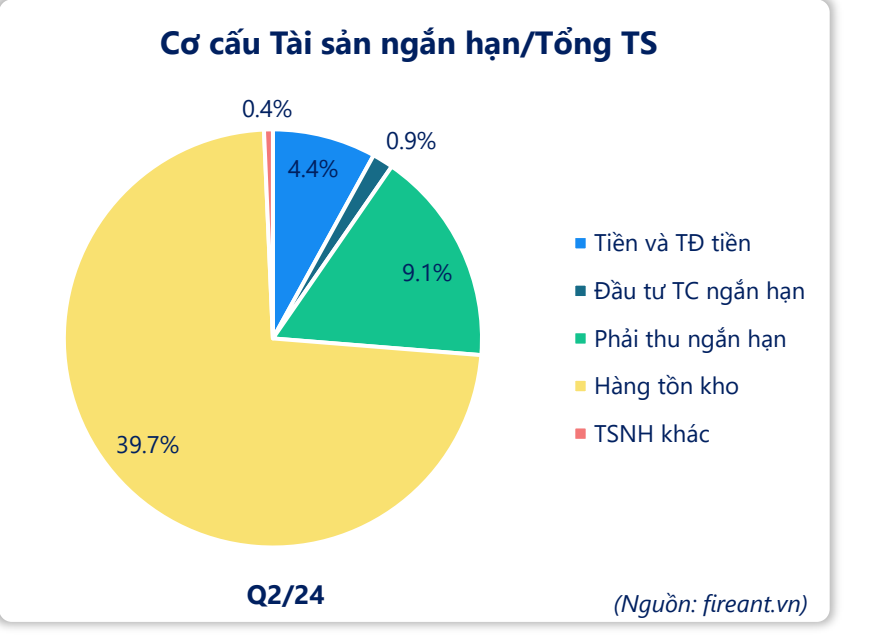
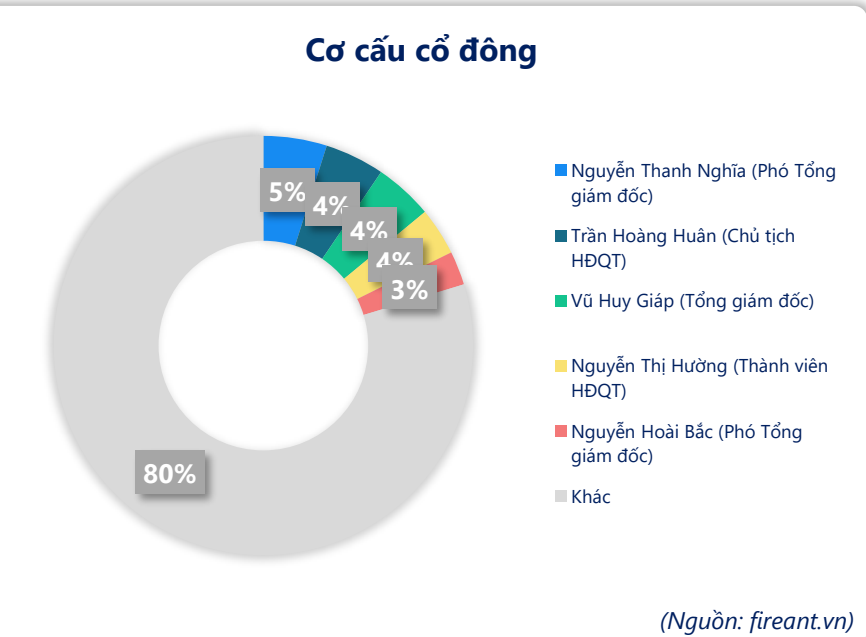
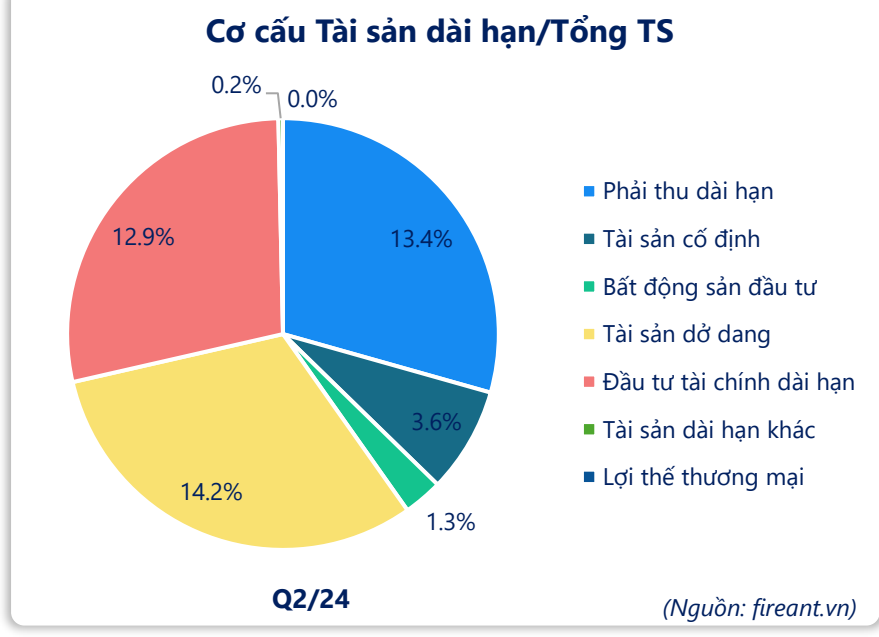
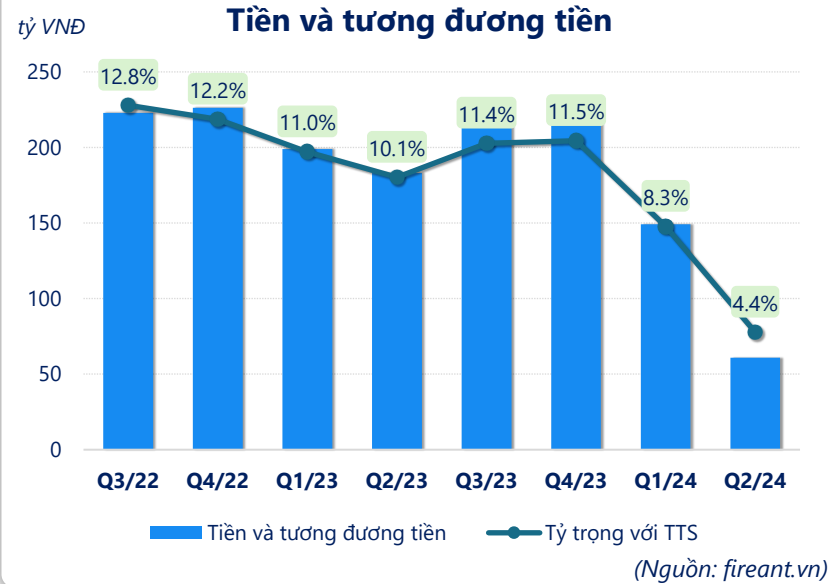
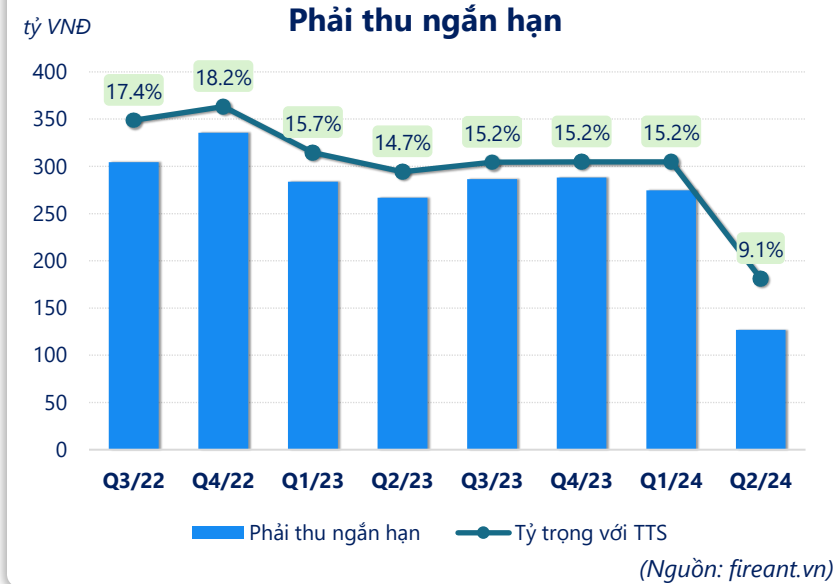
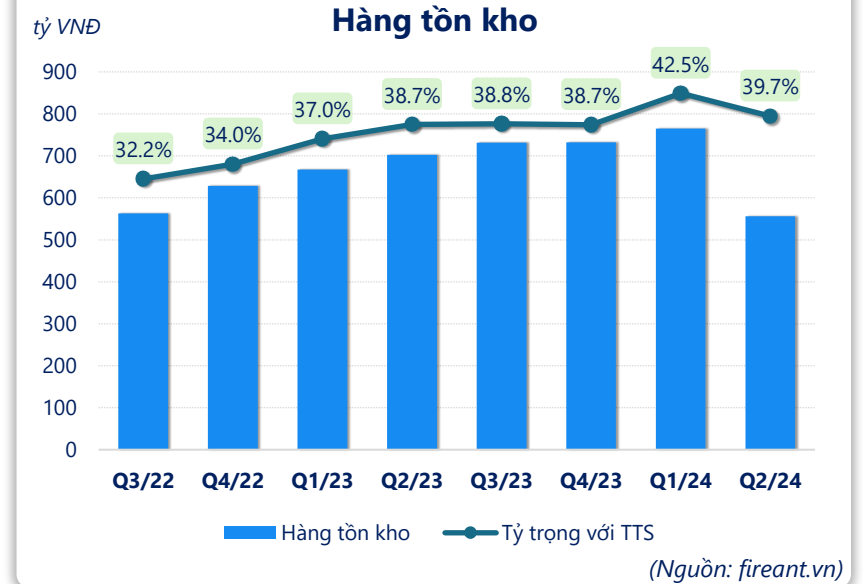
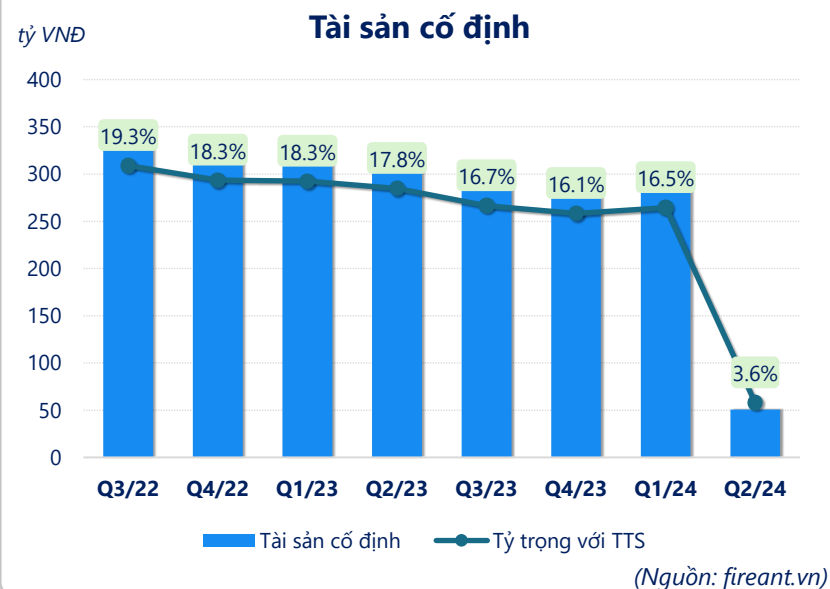
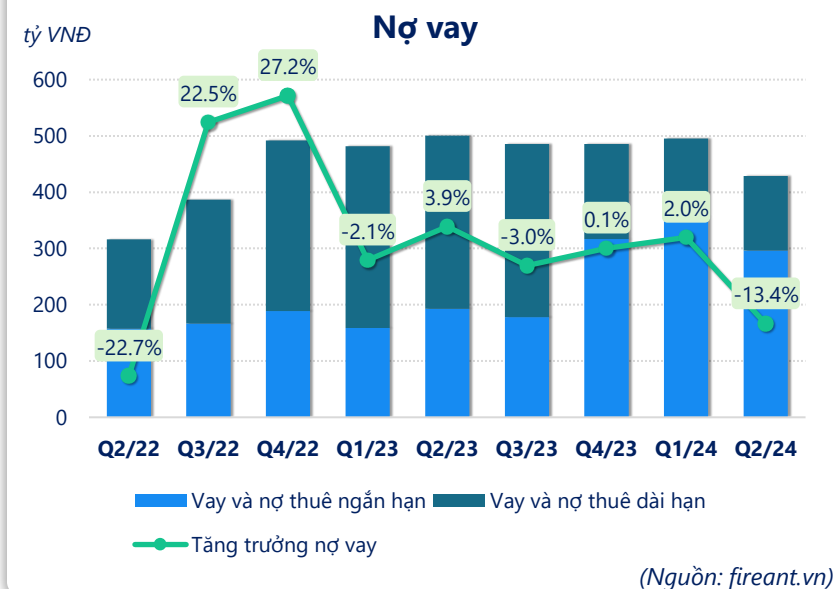
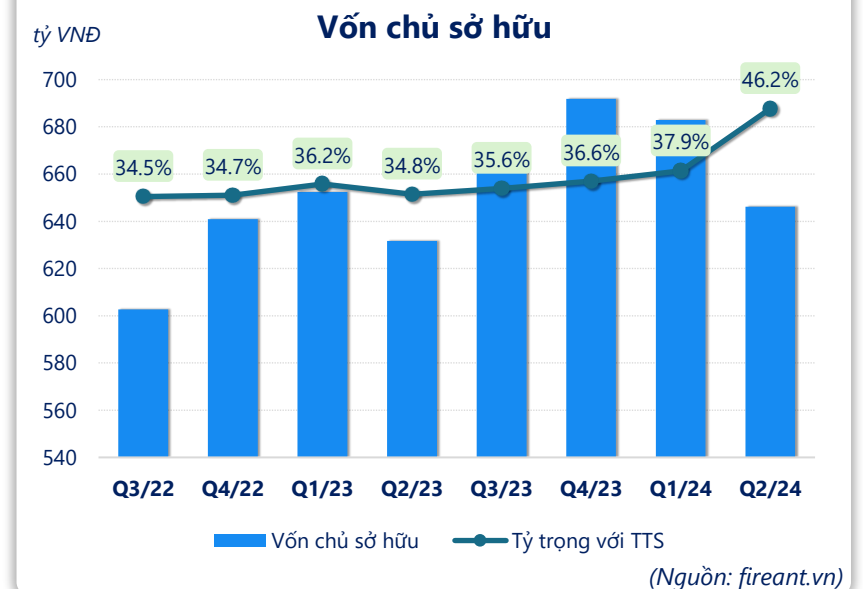
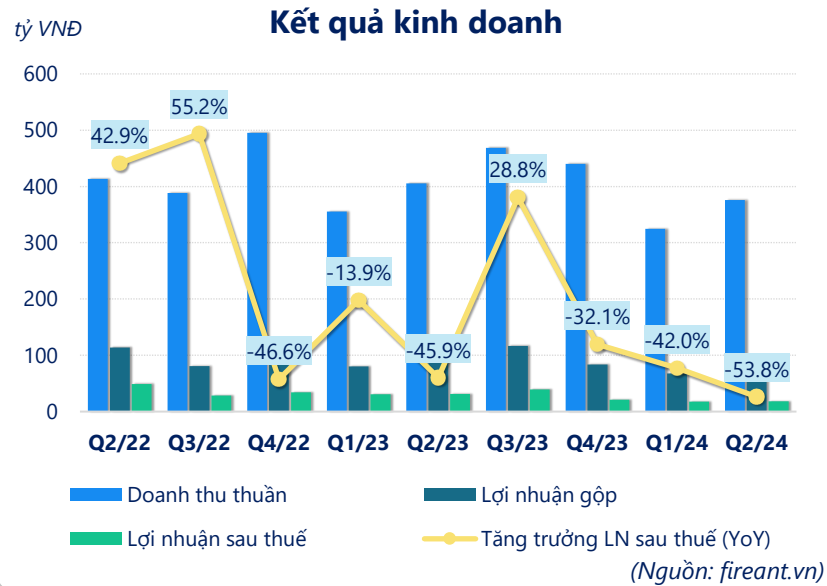
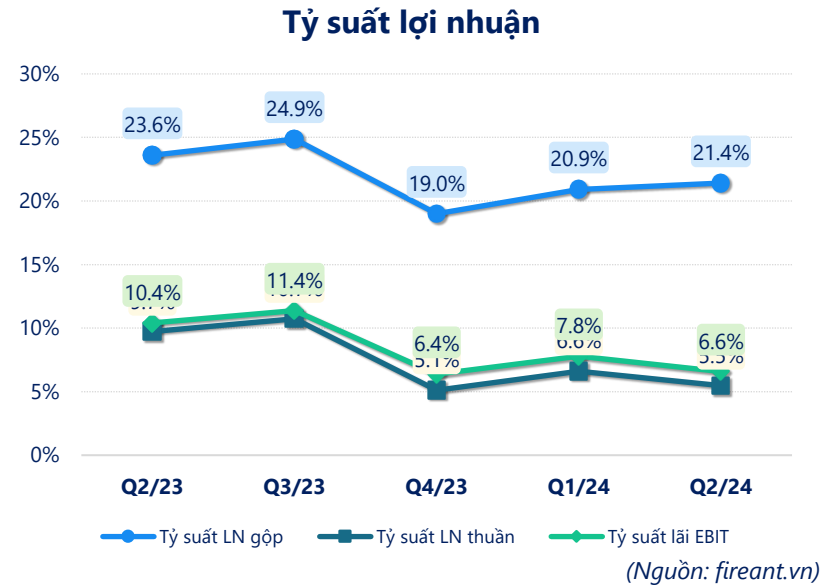
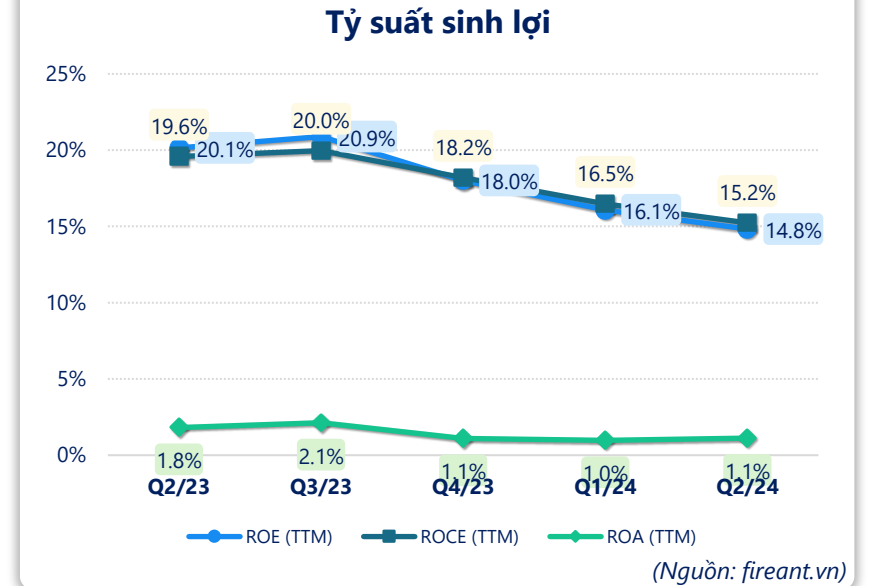
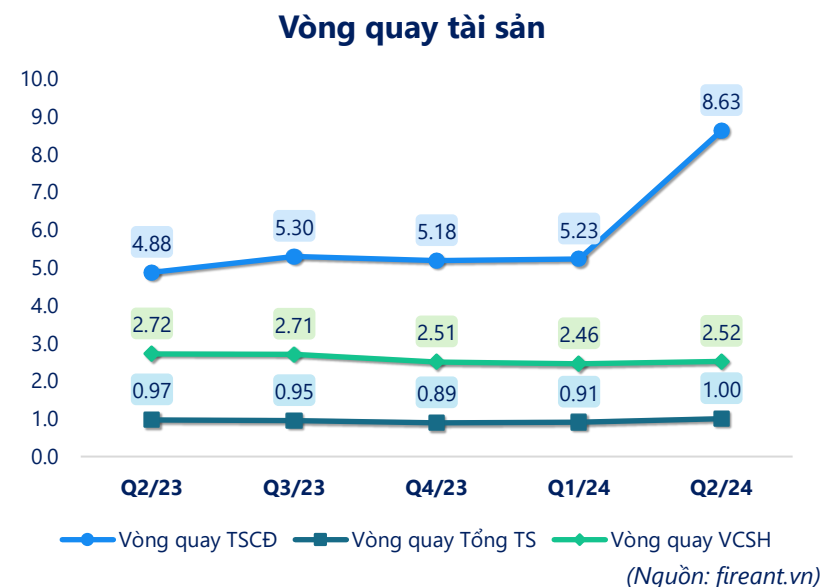
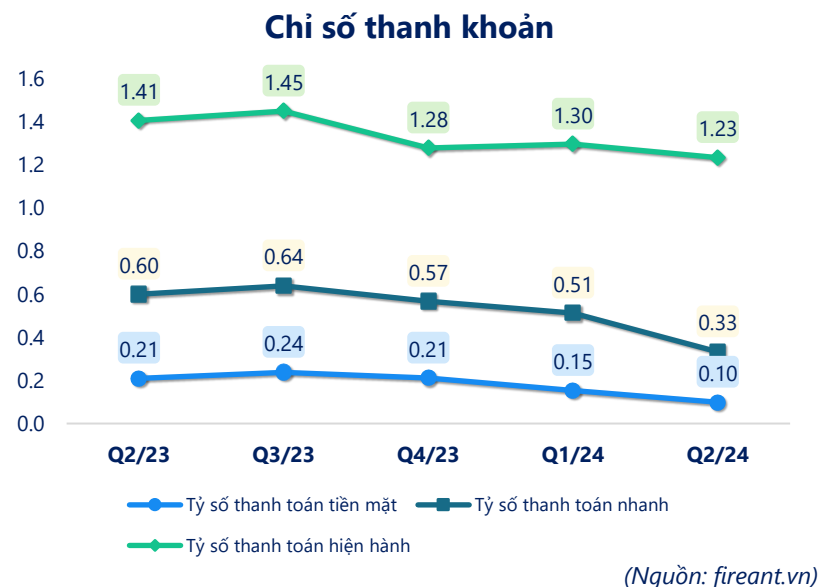
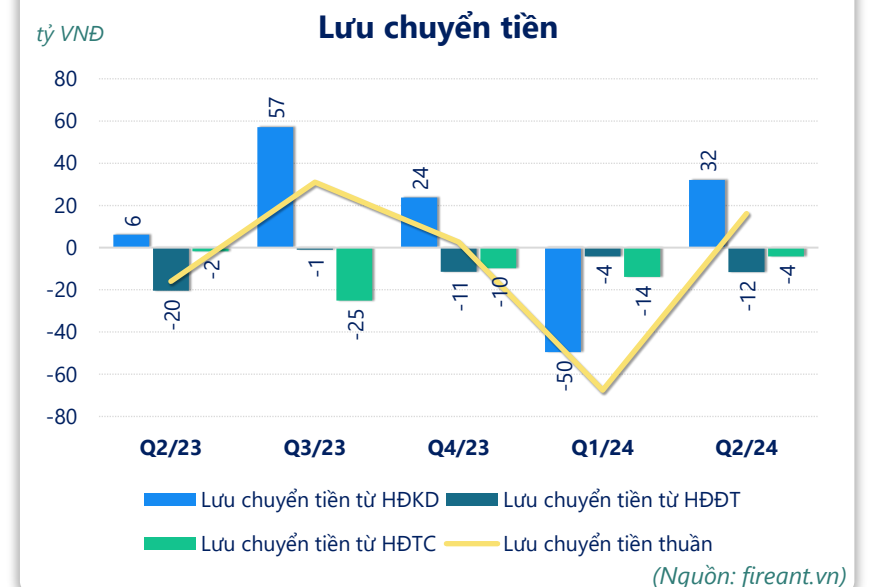


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		41,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		31,291
SL cổ phiếu LH		25,941,887
KLGD BQ 20 phiên (CP)		27,650
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,073
P/E		11.3
EPS		3,653

	YTD	1T	3T	6T
THG	24.6%	8.8%	15.6%	25.2%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,400	1,852	-24.4%
Tài sản ngắn hạn	762	1,313	-42.0%
Tiền và tương đương tiền	60.9	217	-71.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.4	65.9	-81.2%
Phải thu ngắn hạn	127	287	-55.9%
Hàng tồn kho	556	730	-23.8%
Tài sản ngắn hạn khác	5.21	12.8	-59.3%
Tài sản dài hạn	639	539	18.4%
Phải thu dài hạn	188	0.33	56576%
Tài sản cố định	50.5	305	-83.4%
Bất động sản đầu tư	18.7	19.2	-2.8%
Tài sản dở dang	199	205	-2.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	180	0.37	48817%
Tài sản dài hạn khác	2.19	9.62	-77.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	754	1,164	-35.2%
Nợ ngắn hạn	617	991	-37.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	296	317	-6.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.6	322	-91.4%
Nợ dài hạn	137	173	-21.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	133	169	-21.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	646	688	-6.1%
Vốn chủ sở hữu	646	688	-6.1%
Vốn điều lệ	259	230	13.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	406	469	440	325	376
Giá vốn hàng bán	310	352	357	257	296
Lợi nhuận gộp	95.8	117	83.6	67.9	80.5
Doanh thu HĐTC	2.56	2.20	1.85	1.21	1.10
Chi phí TC	3.28	3.08	2.74	3.62	3.76
Chi phí lãi vay	3.25	3.08	2.73	3.54	3.56
LN trong công ty LKLD	0.01	0.00	0.04	0.01	0.01
Chi phí bán hàng	40.8	50.5	36.3	35.1	43.6
Chi phí QLDN	14.8	14.9	24.0	8.99	13.7
LN thuần từ HĐKD	39.4	50.3	22.5	21.5	20.6
Lợi nhuận khác	-0.43	-0.06	2.82	0.30	0.64
LN trước thuế	39.0	50.2	25.3	21.8	21.2
Lợi nhuận sau thuế	31.4	39.1	21.0	17.9	18.4
LNST của CĐ cty mẹ	30.8	38.6	20.5	17.6	18.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.19	57.1	23.7	-49.5	32.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.5	-0.95	-11.4	-4.12	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.70	-25.1	-9.73	-13.9	-4.19
Tiền đầu kỳ	199	183	214	217	149
Lưu chuyển tiền thuần	-16.0	31.0	2.61	-67.5	16.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.03	0.03	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	183	214	217	149	165

(Nguồn: fireant.vn)